

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 54/2024/DS-PT
Ngày 23/01/2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, bà Lưu Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2023/TLPT-DS ngày 22/11/2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 433/2023/QĐPT-DS ngày 08/12/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Uyên T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị N, sinh năm 1992. (Có mặt)

Địa chỉ: F Q, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị N1, sinh năm 1989. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

* Người kháng cáo: Bị đơn bà Hồ Thị N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Trần Thị Uyên T có cho bà Hồ Thị N1 vay tổng số tiền là 614.000.000 đồng (sáu trăm mười bốn triệu đồng), cụ thể: Ngày 24/8/2022, vay số tiền 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng); ngày 19/01/2023, vay số tiền 334.000.000 đồng (ba trăm ba mươi tư triệu đồng).

Khi vay các bên có lập giấy vay tiền viết tay có chữ ký, chữ viết xác nhận người vay của bà Hồ Thị N1 và thỏa thuận lãi suất theo quy định của pháp luật. Sau khi vay thì bà N1 hẹn đến ngày 19/02/2023 sẽ trả hết các khoản vay. Đến khoảng tháng 02/2023, bà N1 có trả được cho bà T số tiền 515.000.000 đồng (năm trăm mười lăm triệu đồng) và còn nợ lại 99.000.000 đồng (chín mươi chín triệu đồng). Đến hạn trả nợ, bà T đã nhiều lần yêu cầu bà N1 trả số tiền còn lại nhưng đến nay bà N1 không trả thêm cho bà T bất kỳ khoản tiền nào.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hồ Thị N1 có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Uyên T số tiền vay gốc còn lại là 99.000.000 đồng (chín mươi chín triệu đồng) và không yêu cầu tiền lãi suất.

** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Hồ Thị N1 trình bày:*

Vào ngày 24/8/2022, tôi có vay của bà Trần Thị Uyên T số tiền 280.000.000 đồng, khi vay có lập giấy vay tiền không thỏa thuận thời hạn trả nợ, thỏa thuận lãi suất theo quy định của Nhà nước, nhưng thực tế thỏa thuận lãi suất miệng 3.500đồng/1.000.000đồng/01 ngày.

Đến ngày 19/01/2023, bà T gọi tôi ra quán cà phê ở đường N và nói tôi ký vào giấy vay tiền với số tiền 334.000.000 đồng. Thực tế, tôi không vay số tiền này mà đây là số tiền lãi bà T tính của khoản vay 280.000.000 đồng và khoản vay 1.000.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Xuân H vay nhưng tôi có ký cam kết trả nợ với bà T với mức lãi 3.500đồng/1.000.000đồng/01 ngày. Do tin tưởng bà T nên tôi đã ký vào giấy mà không ghi rõ đây là tiền lãi.

Sau thời điểm ký 02 giấy vay tiền trên cho bà T thì tôi đã chuyển khoản cho bà T tổng số tiền là 515.000.000 đồng, trong đó có 280.000.000 đồng vay gốc ngày 24/8/2022 và có 235.000.000 đồng là tiền tôi đứng ra trả cho bà Nguyễn Thị Xuân H do trước đó tôi đứng ra ký vào giấy vay đồng cam kết trả nợ với bà H. Còn số tiền 334.000.000 đồng là phần lãi bà T tính vượt mức quy định của pháp luật nên tôi không đồng ý trả. Tôi không có chứng cứ gì chứng minh số tiền 334.000.000 đồng là số tiền lãi bà T tính của khoản vay 280.000.000 đồng và khoản vay 1.000.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Xuân H vay.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu tôi trả số tiền vay gốc là 99.000.000 đồng thì tôi không đồng ý trả nợ cho bà T.

Tại bản án số 61/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Uyên T.

Buộc bà Hồ Thị N1 có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Uyên T số tiền là 99.000.000 đồng (chín mươi chín triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Uyên T về việc yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay gốc 614.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 26/9/2023, bị đơn bà Hồ Thị N1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự xét thấy toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị N1 là không có căn cứ, nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị N1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, HĐXX xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì ngày 24/8/2022, bà N1 viết giấy vay bà T số tiền

280.000.000 đồng; ngày 19/01/2023, bà N1 viết giấy vay bà T số tiền 334.000.000 đồng; bà N1 thừa nhận chữ viết và chữ ký trên các giấy vay tiền ngày 24/8/2022 và ngày 19/01/2023 là của bà nhưng không thừa nhận việc đã vay tiền số tiền 334.000.000 đồng từ bà T. Mà bà N1 cho rằng đây là khoản tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng mà bà N1 đã đồng cam kết trả nợ cùng bà Nguyễn Thị Xuân H, với mức tính lãi suất 3.500 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tuy nhiên bà N1 không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình. Theo nội dung giấy vay tiền mức lãi suất hai bên thỏa thuận được tính theo quy định của nhà nước. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm bà H khai không biết, không liên quan đến khoản vay ngày 24/8/2022 và ngày 19/01/2023 với tổng số tiền 614.000.000 đồng giữa bà T và bà N1, bà H không biết việc bà N1 trả cho bà T số tiền 515.000.000 đồng và bà cũng không biết việc bà N1 trình bày đứng ra trả số tiền 235.000.000 đồng theo giấy vay đồng cam kết trả nợ cùng bà H, bà H không liên quan gì trong vụ án này nên từ chối tham gia tố tụng.

Bà N1 cho rằng bà đã ký giấy vay số tiền 334.000.000 đồng ngày 19/01/2023 do bị bà T đe dọa, áp đảo tinh thần, ép ký, thực tế bà N1 không được nhận số tiền này, bà N1 đề nghị bà T cung cấp bằng chứng bà đã nhận tiền, HĐXX xét thấy: Bà N1 không có chứng cứ chứng minh việc bị đe dọa, ép ký giấy vay tiền ngày 19/01/2023. Mặt khác, bà N1 thừa nhận toàn bộ nội dung giấy vay tiền ngày 19/01/2023 là do bà N1 tự viết và ký ra. Theo nội dung giấy vay tiền bà N1 xác nhận đã nhận đủ số tiền vay.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Uyên T, là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

[3] Ngày 22/12/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhận được đơn bổ sung nội dung đơn kháng cáo, bà N1 đề nghị Tòa án xem xét hủy hai bản án dân sự sơ thẩm mà bà Trần Thị Uyên T cùng khởi kiện bà Hồ Thị N1 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc để xét xử lại, HĐXX xét thấy:

Đối với vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 84/2023/TLST-DS ngày 04/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, nguyên đơn bà Trần Thị Uyên T khởi kiện bị đơn bà Hồ Thị N1, đề nghị Tòa án xem xét buộc bà N1 trả số tiền nợ là 99.000.000 đồng theo 02 giấy vay tiền ngày 24/8/2022 và ngày 19/01/2023. Trong quá trình giải quyết vụ án bà N1 khai đã trả cho bà T số tiền 515.000.000 đồng, trong đó có 235.000.000 đồng là tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng theo giấy vay ngày 16/8/2022 (khoản tiền bà H ký vay của bà T và bà N1 là người đồng cam kết trả nợ vay). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà T không đồng ý với lời khai này, bà H khai không biết, không biết liên quan đến việc này, bà N1 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình.

Đối với vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 83/2023/TLST-DS ngày 04/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, nguyên đơn bà Trần Thị Uyên T khởi kiện bị đơn bà Hồ Thị N1 và bà Nguyễn Thị Xuân H, đề nghị Tòa án xem xét buộc bà N1 cùng bà H liên đới trả số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật theo giấy vay tiền ngày 16/8/2022. Trong quá trình giải

quyết vụ án bà H khai không đồng ý trả số tiền trên cho bà T vì bà H cho rằng mình không vay số tiền trên mà chỉ ký vay dùm cho bà N1. Bà N1 khai bà đã trả cho bà T số tiền 515.000.000 đồng, đề nghị bà T khấu trừ số tiền đã trả này, số tiền còn lại bà N1 chấp nhận chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ cho bà T, không liên quan đến bà H.

Như vậy, các giấy vay tiền ngày 24/8/2022, ngày 19/01/2023 và ngày 16/8/2022 là các giấy vay tiền độc lập với nhau, các khoản vay không liên quan đến nhau. Mục đích của các giấy vay tiền là khác nhau nên quá trình thực hiện hợp đồng vay của các bên cũng khác nhau. Việc bà N1 khai đã trả cho bà T số tiền 515.000.000 đồng cũng đã được bà T xác nhận. Bên cạnh đó, khi bà N1 trả số tiền 515.000.000 đồng cho bà T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trả đối với khoản vay nào. Vì vậy, việc bà T khấu trừ số tiền bà N1 đã trả vào số nợ gốc của hai khoản vay ngày 24/8/2022 và ngày 19/01/2023, là đảm bảo quyền lợi cho bà N1. Bà N1 cho rằng bà và bà H không nhận số tiền 1.000.000.000 đồng vay của bà T thì bà N1 và bà H có nghĩa vụ chứng minh cho lời khai của mình theo quy định tại Điều 6 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc không nhập 02 vụ án dân sự sơ thẩm nêu trên để cùng giải quyết trong một vụ án vẫn đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các bên đương sự, các vụ án đảm bảo được giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định trên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị N1, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Hồ Thị N1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Hồ Thị N1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Uyên T.

Buộc bà Hồ Thị N1 có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Uyên T số tiền là 99.000.000 đồng (chín mươi chín triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Uyên T về việc yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay gốc 614.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Hồ Thị N1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà N1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0003319 ngày 06/10/2023.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung